



弘光科技大學

外國學生新生獎學金列表

臺灣獎學金

- 教育部
- 外交部
- 科技部

每月
15,000元
|
30,000元

新生入學 英文獎學金

每學期
25,000元
|
50,000元

弘光科大 境外生獎學金

每學期
5,000元
|
50,000元

獎助類別	臺灣獎學金			新生入學英文獎學金		弘光科技大學 境外學生獎學金		
獎助來源	• 教育部 • 外交部 • 科技部			弘光科技大學		弘光科技大學		
學程	學士	碩士	博士	學士		學士	碩士	博士
年限/期別	4年	2年	3-4年	4年		最多4年	最多2年	
申請資格	每年3月前(入學前申請)			錄取並完成註冊之四技新生 (含春季班學生)		本校正式學籍之境外學生		
申請單位	臺灣駐外館處			本校招生策略中心		本校國際事務處		
撥款方式	每月轉帳			入學後三週內申請， 每學期符合資格可續領		每學期開學公告申請， 經審查會議通過後公布獲獎		
獎助內容	教育部之獲獎生學士生每月 新臺幣15,000元，研究生每 月新臺幣20,000元，每學期 另核實補助學雜費。 外交部與科技部之獲獎生每 月新臺幣30,000元。			經由各入學管道之新生，入 學前取得多益測驗成績 (NEW TOEIC) 九百分以 上或同等級英檢成績者為A 級、八百分以上或同等級英 檢成績者為B級。 A級：獎學金40萬元，分8個 學期頒發每學期5萬元。 B級：獎學金20萬元，分8個 學期頒發每學期2萬5千元。		完成申請後，依審查會議結 果公告獲獎名單 A 級 50,000 元 B 級 30,000 元 C 級 10,000 元 D 級 5,000 元		

* 詳細獎學金資訊請見：[國際處學生事務網站](#)

* 倘受獎生休退學，即取消其受獎資格且不得保留，並依比例繳回當學期學雜費予本校方得辦理離校。

* 註冊入學之學生得向所屬系所洽詢相關研究/教學助理與校內工讀之機會。

Scholarship List for New International Students

Taiwan
Scholarship

NT\$15,000 -
NT\$30,000 /
month

New Student
English
Scholarship

NT\$25,000 -
NT\$50,000 /
semester

HKU
Scholarships for
International
Students

NT\$5,000 -
NT\$50,000 /
semester

Funding Source	<ul style="list-style-type: none"> Ministry of Education (MOE) Ministry of Foreign Affairs (MOFA) Ministry of Science and Technology (MOST) 	Hungkuang University	Hungkuang University
Degree Level	Bachelor's / Master's / Ph.D.	Bachelor's	Bachelor's / Master's / Ph.D.
Duration / Period	<ul style="list-style-type: none"> Bachelor's: 4 years Master's: 2 years Ph.D.: 3-4 years 	4 years	<ul style="list-style-type: none"> Bachelor's: Max 4 years Master's: Max 2 years
Eligibility	Apply before March every year (prior to admission/enrollment).	Newly admitted and registered 4-year technical program students (including Spring semester students).	Officially enrolled overseas students of the university.
Application Unit	Taiwan's overseas representative offices (Embassies/Missions).	HKU Admissions Strategy Center	HKU Office of International Affairs
Disbursement Method	Monthly bank transfer.	Apply within 3 weeks after enrollment. Eligibility is reviewed each semester for continuous renewal.	Applications open at the beginning of each semester. Awardees are announced after review committee approval.
Award Content	<ul style="list-style-type: none"> MOE Recipients: Undergraduates receive NT\$15,000/month; Graduate students receive NT\$20,000/month. Tuition and miscellaneous fees are waived/subsidized separately each semester. MOFA & MOST Recipients: NT\$30,000/month. 	<p>New students admitted through any channel who obtain a NEW TOEIC score of 900+ (or equivalent English proficiency) prior to enrollment are classified as Level A. Those with a score of 800+ (or equivalent) are classified as Level B.</p> <ul style="list-style-type: none"> Level A: Total scholarship of NT\$400,000, disbursed as NT\$50,000 per semester over 8 semesters. Level B: Total scholarship of NT\$200,000, disbursed as NT\$25,000 per semester over 8 semesters. 	<p>After completing the application, awards are determined and announced based on the review committee results:</p> <ul style="list-style-type: none"> Level A: NT\$50,000 Level B: NT\$30,000 Level C: NT\$10,000 Level D: NT\$5,000

Important Notes

For detailed scholarship information, please visit the [Office of International Affairs - Student Affairs Website](#). If a recipient suspends or withdraws from their studies, their award eligibility will be cancelled and cannot be reserved. Furthermore, the recipient must return the current semester's tuition and miscellaneous fees to the university proportionally before they can complete the withdrawal process.

Registered students may contact their respective departments regarding research/teaching assistantships and on-campus work-study opportunities.



Đại học Khoa học - Kỹ thuật Hoảng Quang

Danh mục học bổng dành cho tân sinh viên quốc tế

Học bổng Đài Loan

- Bộ Giáo dục
- Bộ Ngoại giao
- Bộ Khoa học

Mỗi tháng
15,000元
|
30,000元

Học bổng tiếng Anh dành cho tân sinh viên

Mỗi học kì
25,000元
|
50,000元

Học bổng sinh viên quốc tế

Mỗi học kì
5,000元
|
50,000元

Hạng mục học bổng/hỗ trợ	Học bổng Đài Loan			Học bổng tiếng Anh dành cho tân sinh viên		Học bổng sinh viên quốc tế		
Nguồn học bổng	<ul style="list-style-type: none"> • Bộ Giáo dục • Bộ Ngoại giao • Bộ Khoa học 			Đại học Khoa học - Kỹ thuật Hoảng Quang		Đại học Khoa học - Kỹ thuật Hoảng Quang		
Bậc học	Cử nhân	Thạc sĩ	Tiến sĩ	Cử nhân		Cử nhân	Thạc sĩ	Tiến sĩ
Thời hạn	4 năm	2 năm	3-4 năm	4 năm		nhiều nhất 4 năm	nhiều nhất 2 năm	
Điều kiện đăng kí	Nộp đơn trước tháng 3 hàng năm (trước khi nhập học)			Sinh viên trúng tuyển và đăng ký nhập học tại trường hệ kỹ thuật bốn năm (bao gồm cả sinh viên học kỳ mùa xuân)		Sinh viên quốc tế hệ chính quy tại trường		
Đơn vị đăng kí nộp hồ sơ	Văn phòng Văn hóa - Kinh tế Đài Bắc tại các quốc gia			Trung tâm chiến lược tuyển sinh của nhà trường		Phòng Hợp tác Quốc tế		
撥款方式	每月轉帳			入學後三週內申請，每學期符合資格可續領		每學期開學公告申請，經審查會議通過後公布獲獎		
獎助內容	教育部之獲獎生學士生每月新臺幣15,000元，研究生每月新臺幣20,000元，每學期另核實補助學雜費。 外交部與科技部之獲獎生每月新臺幣30,000元。			經由各入學管道之新生，入學前取得多益測驗成績 (NEW TOEIC) 九百分以上或同等級英檢成績者為A 級、八百分以上或同等級英 檢成績者為B級。 A級：獎學金40萬元，分8個學期頒發每學期5萬元。 B級：獎學金20萬元，分8個學期頒發每學期2萬5千元。		完成申請後，依審查會議結果公告獲獎名單 A 級 50,000 元 B 級 30,000 元 C 級 10,000 元 D 級 5,000 元		

* 詳細獎學金資訊請見：[國際處學生事務網站](#)

* 倘受獎生休退學，即取消其受獎資格且不得保留，並依比例繳回當學期學雜費予本校方得辦理離校。

* 註冊入學之學生得向所屬系所洽詢相關研究/教學助理與校內工讀之機會。